TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng.

2. Ông Trương Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Đặng Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/QĐST-DS ngày 22/02/2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1994.

Nơi ĐKHKTT: Tổ D, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiên nay: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn*: Anh **Khúc Ngọc H**, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Số nhà B, ngõ A, đường L, tổ D, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Khúc Ngọc H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 11/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà B, ngõ A, đường L, tổ D, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã khiến tình cảm hai vợ chồng không còn. Từ đầu năm 2021, hai vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Khúc Ngọc H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Khúc Ngọc S, sinh ngày 25/7/2019 và Khúc Ngọc Hải Y, sinh ngày 28/7/2015. Ly hôn, chị đề nghị để anh H trực tiếp nuôi 02 con, chị cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2024 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, vợ chồng không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Khúc Ngọc H không nộp văn bản ghi ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận chứng cứ, không ký vào các văn bản giao quyết định tố tụng, biên bản ghi lời khai. Ngày 16/02/2024 anh H có đơn gửi Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình (nhờ mẹ đẻ gửi) với nội dung: Năm 2012 anh H kết hôn với chị N, trong thời gian chung sống sinh được 02 con. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có vay mượn tiền để chị N đi xuất khẩu lao động (mẹ đẻ anh đứng ra vay mượn của các dì, các bác), việc vay mượn không có giấy tờ, anh ở nhà nuôi dạy hai con ăn học trong thời gian chị N đi làm. Sau 5 tháng chị N đột ngột về đòi ly hôn và nuôi cháu lớn mà không có lý do chính đáng nên anh không đồng ý, đồng thời khoản nợ mà anh vay cho chị N đi xuất khẩu lao động chưa trả được.

** Bà Vũ Thị H1- mẹ đẻ anh Khúc Ngọc H trình bày:* Về hôn nhân: Anh Khúc Ngọc H và chị Đặng Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bà tại số nhà B, ngõ A, đường L, tổ D, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Đầu năm 2021, chị N đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, đến tháng 5

năm 2023 thì về nước. Tuy nhiên từ đó đến nay chị N không về chung sống cùng anh H bà không biết lý do vì sao. Nay chị N xin ly hôn để hai anh chị tự giải quyết. Về con chung: Vợ chồng anh H, chị N có 02 con chung như chị N trình bày. Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng do anh H có đủ điều kiện nuôi con và từ khi chị N đi lao động nước ngoài từ năm 2021 đến nay cả hai cháu đều do anh H và bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H hiện làm mây tre đan tại cơ sở kinh doanh tư nhân, thu nhập từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung anh H, chị N không có tài sản chung, không có công sức đóng góp chung gì vào tài sản nhà bà. Bà đã giao và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa cho anh H nhưng anh H không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa tham gia tố tụng. Nguyên nhân anh H không đồng ý ly hôn do anh H và chị N có một số khoản vay nợ chung, anh H muốn vợ chồng tự giải quyết xong thì anh sẽ đồng ý ly hôn. Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nợ chung mà đề nghị Tòa án không đưa vụ án ra xét xử để anh chị tự giải quyết nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N được ly hôn anh H. Về quan hệ con chung: đề nghị Tòa án giao cho anh H trực tiếp nuôi cả hai con, buộc chị Đặng Thị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng/con đến khi các con đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, anh H đã nhiều lần tìm và hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh H không đến Toà án tham gia hoà giải. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị N được ly hôn anh H.

[3] Về quan hệ con cái: Chị N và anh H có 02 con chung là Khúc Ngọc S, sinh ngày 25/7/2019 và Khúc Ngọc Hải Y, sinh ngày 28/7/2015. Hai con đang ở ổn định với anh H, anh H có đủ điều kiện nuôi 02 con, ly hôn cần chấp nhận sự tự nguyện của chị N và nguyện vọng của cháu Y giao cho anh H trực tiếp nuôi cả 2 con. Buộc chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con cho anh K Ngọc H mỗi con 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng kể từ tháng 03/2024 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H không trình bày với Toà án về tài sản, anh H có trình bày với Toà án về việc vợ chồng có nợ chung nhưng đưa ra sau thời điểm Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra, giao nộp công khai chứng cứ và không yêu cầu Toà án giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn anh Khúc Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh K Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Khúc Ngọc S, sinh ngày 25/7/2019 và Khúc Ngọc Hải Y, sinh ngày 28/7/2015. Chị Đặng Thị N cấp dưỡng nuôi 02 con cho anh K Ngọc H mỗi con

1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng kể từ tháng 03/2024 đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Chị Đặng Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Đặng Thị N và anh Khúc Ngọc H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001068 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Đặng Thị N còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị Đặng Thị N và anh Khúc Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 115 ngày 11/12/2014);
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương